

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước, Địa chất và Khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 07/02/2026 của UBND thành phố Hà Nội rà soát, đánh giá, đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 820/TTr-SNNMT ngày 28/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa 04 thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước, Địa chất và Khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2.

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp cơ quan liên quan triển khai thực hiện phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này theo quy định pháp luật.

2. Giao Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố kiểm tra, đôn đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan liên quan thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Cục KS TTHC-Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Thành ủy;
- VPUBTP: các PCVP; NC, NNMT, TH;
Trung tâm TT, DL và CNS Hà Nội;
- Lưu: VT, NC Ngân.



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Việt Dũng

Phụ lục
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC
TÀI NGUYÊN NƯỚC, ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

I. Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản: Tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực: 39 TTHC, đề xuất đơn giản hóa (giảm thời gian giải quyết) đối với 01/39 TTHC, tổng số thời gian rút ngắn: 07 ngày làm việc.

1. Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (1.014270):

a. Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 07 ngày làm việc so với quy định (thời gian tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ giảm 02 ngày làm việc, thời gian thẩm định hồ sơ giảm 05 ngày làm việc).

- Lý do: Thời gian giải quyết theo quy định hiện hành tối đa là 34 ngày làm việc; qua thực tế giải quyết, nhận thấy có thể rút ngắn 07 ngày làm việc, còn 27 ngày làm việc (giảm 20,59% so với thời gian quy định).

b. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm b Khoản 2 Điều 67 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Địa chất và Khoáng sản; Khoản 3 Điều 67 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Địa chất và Khoáng sản được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 24 Điều 2 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC, giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính 30.800.000 đồng/năm.

II. Lĩnh vực Tài nguyên nước: Tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực: 19 TTHC, đề xuất đơn giản hóa (giảm thời gian giải quyết) đối với 03/19 TTHC, tổng số thời gian rút ngắn: 03 ngày làm việc.

1. Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (1.004179) (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP).

a. Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định (thời gian tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ giảm 0,5 ngày làm việc, thời gian thẩm định hồ sơ giảm 0,5 ngày làm việc).

- Lý do: Thời gian giải quyết theo quy định hiện hành tối đa là 30 ngày làm việc; qua thực tế giải quyết, nhận thấy có thể rút ngắn 01 ngày làm việc, còn 29 ngày làm việc (giảm 3,33% so với thời gian quy định).

b. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 15 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC, giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính 4.400.000 đồng/năm.

2. Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m³/ngày đêm (1.004223).

a. Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định (thời gian tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ giảm 0,5 ngày làm việc, thời gian thẩm định hồ sơ giảm 0,5 ngày làm việc).

- Lý do: Thời gian giải quyết theo quy định hiện hành tối đa là 30 ngày làm việc; qua thực tế giải quyết, nhận thấy có thể rút ngắn 01 ngày làm việc, còn 29 ngày làm việc (giảm 3,33% so với thời gian quy định).

b. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 15 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC, giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính 7.920.000 đồng/năm.

3. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành (2.001770) (trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước).

a. Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định (thời gian tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ giảm 0,5 ngày làm việc, thời gian thẩm định hồ sơ giảm 0,5 ngày làm việc).

- Lý do: Thời gian giải quyết theo quy định hiện hành tối đa là 30 ngày làm việc; qua thực tế giải quyết và để phù hợp với thời gian giải quyết TTHC cấp giấy phép tài nguyên nước, nhận thấy có thể rút ngắn 01 ngày làm việc, còn 29 ngày làm việc (giảm 3,33% so với thời gian quy định).

b. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 15 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC, giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính 7.920.000 đồng/năm.

III. Tổng hợp chi phí cắt giảm phương án đơn giản hóa TTHC

STT	Tên TTHC thực hiện cắt giảm đơn giản hóa	Số hồ sơ/năm (1)	Thời gian cắt giảm (giờ làm việc/hồ sơ) (2)	Lương trung bình giờ (đồng/giờ) (3)	Tổng chi phí cắt giảm (đồng/năm) (1)*(2)*(3)
I	Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản				
1	Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	10	56	55.000	30.800.000
II	Lĩnh vực Tài nguyên nước				
1	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP)	10	08	55.000	4.400.000
2	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	18	08	55.000	7.920.000
3	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	18	08	55.000	7.920.000
	Tổng				51.040.000